TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 137/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 23 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 88, Điều 91, Điều 101 và Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Phiếu kết quả xét nghiệm ADN ngày 25/6/2025 và Văn bản xác nhận kết quả giám định ADN số 25/2026/CV-PL ngày 30/6/2026 của Viện sinh học phân tử LOCI;

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 207/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh ngày 12/10/1987; số định danh cá nhân 034187024258; địa chỉ: Tổ C, Khu phố G T, phường T, Thành phố Đ.

Bị đơn: Anh Bùi Văn P, sinh ngày 10/12/1982, số định danh cá nhân 042082097434; địa chỉ: Thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Hoàng T1, sinh ngày 20/02/1988, số định danh cá nhân 096088003811; địa chỉ: Tổ C, Khu phố G T, phường T, Thành phố Đ.

- Cháu Bùi Ngô Kim D, sinh ngày 10/9/2018; địa chỉ: Tổ C, Khu phố G T, phường T, Thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Chị Ngô Thị T, sinh ngày 12/10/1987, số định danh cá nhân 034187024258; địa chỉ: Tổ C, Khu phố G T, phường T, Thành phố Đ (là mẹ đẻ của cháu Bùi Ngô Kim D).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định anh Lê Hoàng T1 (sinh ngày 20/02/1988, số định danh cá nhân 096088003811 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Bộ C1 cấp ngày 16/02/2023; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; quê quán: Xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau, nay là xã P, tỉnh Cà Mau) là cha đẻ của cháu Bùi Ngô Kim D (sinh ngày 10/9/2018; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; quê quán: Huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, có mẹ đẻ là chị Ngô Thị T, sinh ngày 12/10/1987; số định danh cá nhân 034187024258 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Bộ C1 cấp ngày 31/7/2023; địa chỉ: Tổ C, Khu phố G T, phường T, Thành phố Đ; theo Giấy khai sinh số 191 ngày 06/11/2018 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, nay là UBND xã I, tỉnh Gia Lai).

2.2. Anh Lê Hoàng T1 và cháu Bùi Ngô Kim D có các quyền, nghĩa vụ của cha, con theo quy định của pháp luật kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật (ngày 23/7/2026).

2.3. Quyền, nghĩa vụ của cha, con giữa anh Bùi Văn P (sinh ngày 10/12/1982, số định danh cá nhân 042082097434 do Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Bộ C1 cấp ngày 12/6/2022; địa chỉ: Thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai) và cháu Bùi Ngô Kim D chấm dứt theo quy định của pháp luật kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật (ngày 23/7/2026).

2.4. Anh Lê Hoàng T1 và chị Ngô Thị T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cải chính hộ tịch (giấy khai sinh) cho cháu Bùi Ngô Kim D theo quy định của pháp luật.

2.5. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Ngô Thị Thương C toàn bộ án phí nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 36 và Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 - Gia Lai;
- PTHADS Khu vực 11 - Gia Lai;
- UBND xã Ia Hrú, tỉnh Gia Lai;
- Lưu: HSVA, CGQ, VT-LT.

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)

Võ Tiến Sỹ